

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/01/2021.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly.

2. Ông Ngô Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 717/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 577/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T – sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp BT1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông T quen biết và kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tánh tình không hợp thường hay tranh cãi nhau, cả hai cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không được đến cuối năm 2018 thì không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh năm 2013 hiện đang sống với bà, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: không có.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã HA, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2]. *Về nội dung tranh chấp*: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Quốc T kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà B trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên thường hay cãi nhau, đến cuối năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà B yêu cầu ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà B yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông T đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu, không lo lắng trong gia đình, khi uống rượu thì về nhà kiếm chuyện cãi nhau, đến cuối năm 2018 thì không còn chung sống với nhau đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B xin ly hôn ông T.

[3] *Về quan hệ con chung*: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh năm 2013 hiện đang sống với bà B, khi ly hôn bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Khải do bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, trong quá trình giải quyết ông T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà B. Vì vậy, nghĩ nên để bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khải là phù hợp với pháp luật.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do bà B không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] *Về quan hệ tài sản chung*: Bà B không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] *Về quan hệ nợ chung*: Bà B trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B xin ly hôn ông Nguyễn Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2013, ngày 13 tháng 5 năm 2013 do Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2013. Ông Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận việc bà B xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà B, ông T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0008999 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 14/10/2020.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Hòa An, huyện Chợ Mới.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình